TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số 24/2025/DS-GĐT
Ngày 24/02/2025
V/v "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có: 10/11 thành viên tham gia xét xử, do ông Võ Văn Cường – Phó chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa, theo ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Kỳ - Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "Tranh chấp đòi tài sản", giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp TN, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê T1, sinh năm 1954;

2.2. Bà Trương Thị H1, sinh năm 1956;

2.3. Ông Lê Kim T2, sinh năm 1991;

2.4. Ông Lê Minh T3, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Tỉnh lộ 76, ấp TH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2.5. Ông Lê Mạnh P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp BT, xã XĐ, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2.6. Bà Lê Thị Ngọc L2, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 162, đường TĐT, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.7. Ông Lê Đức T4, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp BĐ, xã XĐ, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2.8. Ông Lê Đức Q, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn QL, xã KL, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.9. Bà Lê Thị Ngọc T5, sinh năm 1983;

Địa chỉ: B 16.03 chung cư FV, phường TML, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Thanh H2, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp TN, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2011/QĐDS-ST và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2011/QĐDS-ST cùng ngày 21/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai thì vợ chồng ông Lê T1, bà Trương Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L1 tổng số tiền 7.650.000.000 đồng. Ngày 21/7/2018, gia đình ông Lê T1 gồm: ông Lê T1, bà Trương Thị H1 và các con là ông Lê Đức T4, ông Lê Đức Q, ông Lê Mạnh P, ông Lê Kim T2, ông Lê Minh T3, bà Lê Thị Ngọc L2, bà Lê Thị Ngọc T5 (các bị đơn) cùng cam kết trả nợ cho bà L1, các bên xác định số tiền còn nợ lại là 7.115.000.000 đồng, các bị đơn chỉ phải trả số tiền 7.000.000.000 đồng, trong thời hạn từ ngày 21/7/2018 đến ngày 31/12/2018. Sau đó, ông T1 đã trả cho bà L1 được 03 lần tổng số tiền là 300.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 6.700.000.000 đồng cho đến nay không trả. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 6.700.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.082.301.000 đồng.

2. Bị đơn:

- Ông Lê T1 trình bày: Số tiền nợ đã được giải quyết tại 02 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Ông cho rằng từ năm 2012 đến năm 2020, ông đã trả cho bà L1 được 1.035.000.000 đồng, số còn nợ còn lại ông sẽ tiếp tục trả cho bà L1.

- Ông Lê Mạnh P, ông Lê Kim T2, bà Lê Thị Ngọc L2 trình bày: Đây là khoản nợ của ông T1 và bà H1 đã được giải quyết tại 02 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Vì vậy, các ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L1.

- Bà Trương Thị H1, ông Lê Đức T4, ông Lê Đức Q, bà Lê Thị Ngọc T5, ông Lê Minh T3 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (không có lời trình bày).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Thanh H2 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà L1 (vợ ông H2).

Tại Bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 13/7/2023, Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê T1, bà Trương Thị H1, ông Lê Đức T4, ông Lê Đức Q, ông Lê Mạnh P, bà Lê Thị Ngọc T5, bà Lê Thị Ngọc L2, ông Lê Kim T2 và ông Lê Minh T3 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L1 9.782.301.000 (Chín tỷ bảy trăm tám mươi hai triệu ba trăm lẻ một nghìn) đồng, trong đó 6.700.000.000 đồng đồng tiền gốc và 3.082.301.000 đồng đồng tiền lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/7/2023 và ngày 31/7/2023, ông Lê Mạnh P, ông Lê Minh T3 có đơn kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số 72/2024/DS-PT ngày 21/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Mạnh P và ông Lê Minh T3.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm về số tiền gốc, lãi và án phí.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê T1, bà Trương Thị H1, ông Lê Đức T4, ông Lê Đức Q, ông Lê Mạnh P, bà Lê Thị Ngọc T5, bà Lê Thị Ngọc L2, ông Lê Kim T2 và ông Lê Minh T3 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L1 9.649.930.137 (Chín tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn một trăm mười bảy) đồng, trong đó 6.640.000.000 đồng tiền gốc và 3.009.830.137 đồng tiền lãi.

Ngày 17/4/2024, bà Lê Thị Ngọc L2 có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm.

Ngày 30/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 222/QĐ-VKS-DS kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 72/2024/DS-PT ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử huỷ Bản án phúc thẩm nêu trên và Bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ hai Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2011/QĐDS-ST và số 06/2011/QĐDS-ST cùng ngày 21/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai thì vợ chồng ông Lê T1, bà Trương Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L1 tổng số tiền 7.650.000.000 đồng. Sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, vào ngày 13/4/2011, bà Nguyễn Thị L1 có đơn yêu cầu thi hành án.

[2] Quá trình thi hành án, ngày 21/7/2018, ông Lê T1, bà Trương Thị H1 lập giấy cam kết có nội dung: *"Vợ chồng tôi cam kết sẽ trả nợ dần cho chị L1 và nếu vợ chồng tôi chết các con tôi sẽ tiếp tục trả nợ"*. Cùng ngày 21/7/2018, ông Lê T1, bà Trương Thị H1 và các con là ông Lê Đức T4, ông Lê Đức Q, ông Lê Mạnh P, ông Lê Kim T2, ông Lê Minh T3, bà Lê Thị Ngọc L2, bà Lê Thị Ngọc T5 lập giấy cam kết có nội dung: *"Vợ chồng tôi và các con sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ 7.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L1….Thời hạn trả nợ từ ngày 21/7/2018 đến ngày 31/12/2018. Tôi xin cam kết sẽ trả nợ theo đúng hạn bản cam kết"*. Quá trình thực hiện cam kết, cá nhân ông T1 trả cho bà L1 03 lần tổng số tiền là 300.000.000 đồng; số tiền còn lại 6.700.000.000 đồng, ông T1, bà H1 và các con không thực hiện đúng như nội dung cam kết nên ngày 02/12/2019, bà L1 có đơn yêu cầu tiếp tục thi hành án đối với số tiền trên.

[3] Tuy nhiên, đến ngày 12/12/2019, bà L1 lại có đơn yêu cầu đình chỉ việc thi hành án. Sau khi tiếp nhận đơn của bà L1, Chi cục Thi hành án dân sự huyện XL đã lập biên bản và giải thích cho bà L1 biết việc bà yêu cầu đình chỉ thi hành án sẽ không được quyền yêu cầu thi hành án trở lại, nhưng bà L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện XL đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo yêu cầu của bà L1.

[4] Đối với giấy cam kết của các con ông T1 và bà H1 cam kết cùng cha mẹ trả nợ cho bà L1 thấy rằng: Theo hai Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2011/QĐDS-ST và số 06/2011/QĐDS-ST cùng ngày 21/3/2011

của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai thì người có trách nhiệm, nghĩa vụ trả khoản tiền nêu trên cho bà L1 là vợ chồng ông T1, bà H1. Quá trình thi hành án, các con ông T1 và bà H1 có cam kết cùng cha mẹ trả nợ cho bà L1, nhưng đây chỉ là hành vi đơn phương, không có sự thỏa thuận bằng văn bản thể hiện có sự đồng ý của bà L1 nên về mặt pháp lý không thể xác định giữa các bên có sự chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự. Do đó, không có căn cứ để ràng buộc trách nhiệm các con ông T1 và bà H1 trong vụ án này.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm căn cứ vào nội dung của hai tờ cam kết để cho rằng đây là một giao dịch dân sự mới phát sinh, từ đó giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi các bị đơn trả số tiền 6.700.000.000 đồng và tiền lãi là không đúng quy định pháp luật.

[6] Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị huỷ cả hai bản án (sơ thẩm và phúc thẩm) nêu trên để xét xử sơ thẩm lại là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325, điểm b khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị số 222/QĐ-VKS-DS ngày 30/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Hủy Bản án phúc thẩm số 72/2024/DS-PT ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai để xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ra quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC (để b/c);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện XL;
- Chi cục THADS huyện XL;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án, THS, VP, Phòng GĐKT II.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Cường